



Năm YY/ 年 tháng MM/ 月 ngày DD/ 日

定期交易取款及修改处理指示

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG For bank only 银行打印						
	THÔNG TIN MÓN ĐỊNH KỲ · Time Deposit Information · 定期存款信息					
	Số thứ tự Deal No. 存款序号	Loại tiền, số tiền gốc Principal amount, CCY 定期单金额、币种	Kỳ hạn Dep.Period 存期	L/suất năm PA Int.Rate 年利率	Ngày tính lãi Value Date 起息日期	Ngày đáo hạn Maturity Date 到期日
RÚT RA · Withdrawal · 定期支出						
Loại hình rút	☐	Rút hết · Withdrawal · 全部支出				
	☐	Rút bộ phận Partial withdraw 部分支出	Số tiền · Amount · 金额			
			Loại tiền · Currency · 币种			
Thông tin TK thanh toán ghi có Credit Current Acc. information 贷方结算账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
Thông tin TK định kỳ ghi nợ Debit time dep. Acc. information 借方定期账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
THAY ĐỔI CHỈ THỊ XỬ LÝ MÓN TIỀN GỬI ĐÁO HẠN · Update disposal instruction for time deposit · 更改定期到期处理方式						
Chỉ thị xử lý món tiền gửi đến hạn(*) Disposal Instruction for maturity time deposit 到期处理方式	☐ (1)	Đến hạn tự động gia hạn cả gốc và lãi · On maturity, renew principal & interest · 到期本息一并转存				
	☐ (2)	Đến hạn tự động gia hạn gốc, lãi chuyển vào TK sau On maturity, renew principal, repay int. to the following Acc 到期本金续存, 利息存入账号	TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
			Tên tài khoản Acc Name · 账户名			
	☐ (3)	Đến hạn gốc và lãi gửi vào tài khoản sau On maturity, repay principal & interest to the following Acc 到期本息存入账号	TK nhận gốc 本金转入账号 Repay principal Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
			Tên tài khoản Acc Name · 账户名			
			TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
Tên tài khoản Acc Name · 账户名						
Chữ ký khách hàng Customer's signature(s) · 客户签字						
Giao dịch viên Teller · 经办		Kiểm soát viên Checked by · 复核		Trưởng phòng Approved by · 主管		

* Tôi/ Chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung Điều khoản và điều kiện chung về giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay (Bản số [01], phát hành năm 2019)
* I/ We acknowledge that I/we have read, understood and agree with the General Terms and Conditions on Spot Foreign Exchange Transaction (Version [01] issued in 2019)
* 本人/本单位确认已阅读、了解并同意于《关于即期外汇买卖交易的共同条款和条件》(第[01]版本, 于2019年颁发)



Năm
YY/ 年
tháng
MM/月
ngày
DD/日

定期交易取款及修改处理指示

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG For bank only 銀行打印						
	THÔNG TIN MÓN ĐỊNH KỲ · Time Deposit Information · 定期存款信息					
	Số thứ tự Deal No. 存款序号	Loại tiền, số tiền gốc Principal amount, CCY 定期单金额、币种	Kỳ hạn Dep.Period 存期	L/suất năm PA Int.Rate 年利率	Ngày tính lãi Value Date 起息日期	Ngày đáo hạn Maturity Date 到期日
RÚT RA · Withdrawal · 定期支出						
Loại hình rút	☐	Rút hết · Withdrawal · 全部支出				
	☐	Rút bộ phận Partial withdraw 部分支出	Số tiền · Amount · 金额			
			Loại tiền · Currency · 币种			
Thông tin TK thanh toán ghi có Credit Current Acc. information 贷方结算账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
Thông tin TK định kỳ ghi nợ Debit time dep. Acc. information 借方定期账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
THAY ĐỔI CHỈ THỊ XỬ LÝ MÓN TIỀN GỬI ĐÁO HẠN · Update disposal instruction for time deposit · 更改定期到期处理方式						
Chỉ thị xử lý món tiền gửi đến hạn(*) Disposal Instruction for maturity time deposit 到期处理方式	☐	(1)	Đến hạn tự động gia hạn cả gốc và lãi · On maturity, renew principal & interest · 到期本息一并转存			
	☐	(2)	Đến hạn tự động gia hạn gốc, lãi chuyển vào TK sau On maturity, renew principal, repay int. to the following Acc 到期本金续存, 利息存入账号	TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号	
				Tên tài khoản Acc Name · 账户名		
	☐	(3)	Đến hạn gốc và lãi gửi vào tài khoản sau On maturity, repay principal & interest to the following Acc 到期本息存入账号	TK nhận gốc 本金转入账号 Repay principal Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号	
				Tên tài khoản Acc Name · 账户名		
				TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号	
Tên tài khoản Acc Name · 账户名						
Chữ ký khách hàng Customer's signature(s) · 客户签字						
Giao dịch viên Teller · 经办			Kiểm soát viên Checked by · 复核		Trưởng phòng Approved by · 主管	

* Tôi/ Chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung Điều khoản và điều kiện chung về giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay (Bản số [01], phát hành năm 2019)
* I/ We acknowledge that I/we have read, understood and agree with the General Terms and Conditions on Spot Foreign Exchange Transaction (Version [01] issued in 2019)
* 本人/本单位确认已阅读、了解并同意于《关于即期外汇买卖交易的共同条款和条件》（第[01]版本，于2019年颁发）



Năm YY/年 tháng MM/月 ngày DD/日

定期交易取款及修改处理指示

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG For bank only 银行打印						
	THÔNG TIN MÓN ĐỊNH KỲ · Time Deposit Information · 定期存款信息					
	Số thứ tự Deal No. 存款序号	Loại tiền, số tiền gốc Principal amount, CCY 定期单金额、币种	Kỳ hạn Dep.Period 存期	L/suất năm PA Int.Rate 年利率	Ngày tính lãi Value Date 起息日期	Ngày đáo hạn Maturity Date 到期日
RÚT RA · Withdrawal · 定期支出						
Loại hình rút	☐	Rút hết · Withdrawal · 全部支出				
	☐	Rút bộ phận Partial withdraw 部分支出	Số tiền · Amount · 金额			
			Loại tiền · Currency · 币种			
Thông tin TK thanh toán ghi có Credit Current Acc. information 贷方结算账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
Thông tin TK định kỳ ghi nợ Debit time dep. Acc. information 借方定期账户信息	Số tài khoản · Account No. · 账号					
	Tên tài khoản · Account Name · 账户名					
THAY ĐỔI CHỈ THỊ XỬ LÝ MÓN TIỀN GỬI ĐÁO HẠN · Update disposal instruction for time deposit · 更改定期到期处理方式						
Chỉ thị xử lý món tiền gửi đến hạn(*) Disposal Instruction for maturity time deposit 到期处理方式	☐ (1)	Đến hạn tự động gia hạn cả gốc và lãi · On maturity, renew principal & interest · 到期本息一并转存				
	☐ (2)	Đến hạn tự động gia hạn gốc, lãi chuyển vào TK sau On maturity, renew principal, repay int. to the following Acc 到期本金续存, 利息存入账号	TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
			Tên tài khoản Acc Name · 账户名			
	☐ (3)	Đến hạn gốc và lãi gửi vào tài khoản sau On maturity, repay principal & interest to the following Acc 到期本息存入账号	TK nhận gốc 本金转入账号 Repay principal Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
			Tên tài khoản Acc Name · 账户名			
			TK nhận lãi 利息转入账号 Repay interest Acc	Số tài khoản Acc No. · 账号		
Tên tài khoản Acc Name · 账户名						
Chữ ký khách hàng Customer's signature(s) · 客户签字						
Giao dịch viên Teller · 经办		Kiểm soát viên Checked by · 复核		Trưởng phòng Approved by · 主管		

* Tôi/ Chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với nội dung Điều khoản và điều kiện chung về giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay (Bản số [01], phát hành năm 2019)
* I/ We acknowledge that I/we have read, understood and agree with the General Terms and Conditions on Spot Foreign Exchange Transaction (Version [01] issued in 2019)
* 本人/本单位确认已阅读、了解并同意于《关于即期外汇买卖交易的共同条款和条件》（第[01]版本，于2019年颁发）